TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM

BẢN TIN THAN NGÀY

Ngày 18/05/2018

CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	108,40	-0,35	108,90	+0,75
CIF ARA 6.000 NAR	91,90	-0,45	93,25	-0,75
FOB Richards Bay 5.500 NAR	89,00	+0,15	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	78,00	+0,25
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	63,50	+0,25

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	53,55	+0,00	339,73	+0,72
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	72,20	+0,25	458,05	+2,56
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	86,85	+1,35	550,99	+9,72

GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018

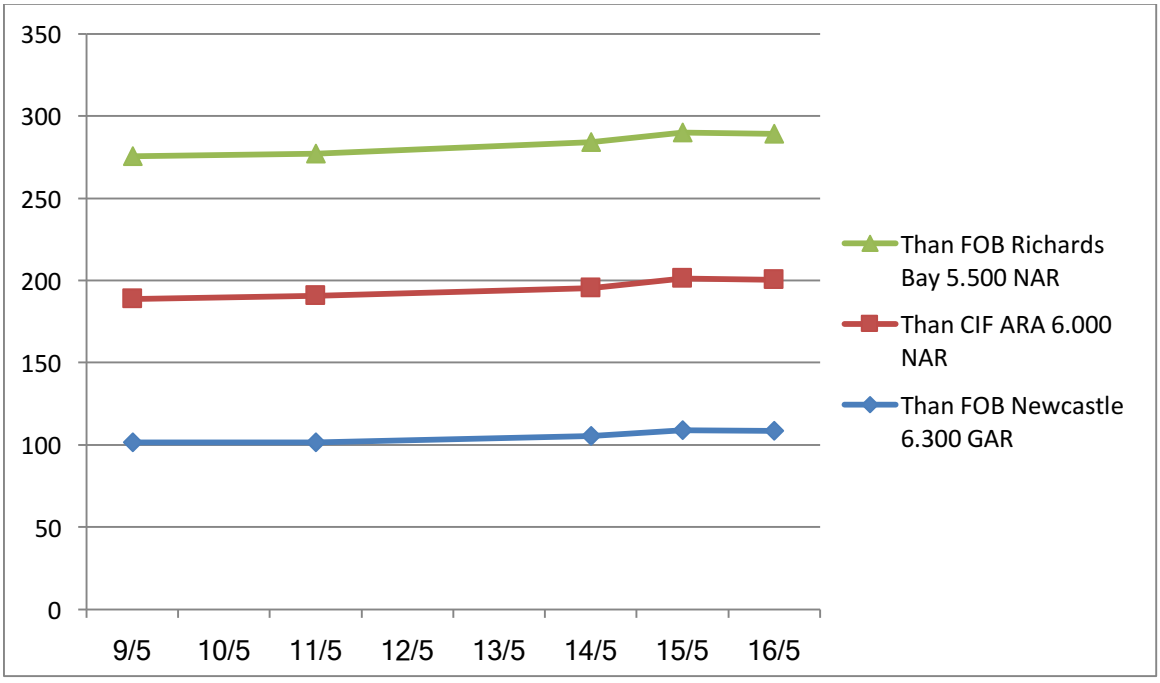

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 16/05/2018)

ĐIỂM TIN

Kospo phát hành gói thầu mua 1,92 triệu tấn than

Trong ngày thứ 3 (15/5), Kospo đã phát hành gói thầu mua 1,92 triệu tấn than giao trong giai đoạn từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 8 năm 2020 đến nhà máy Samchoek. Trong gói thầu KOSPO-Coal-2018-SC-ELT02, công ty muốn nhập khẩu 640.000 tấn than/năm với nhiệt trị 3.700 kcal/kg, độ ẩm 43%; chất bốc 16 - 45%, độ tro tối đa 4,5% và lưu huỳnh tối đa 0,35%. Trong năm đầu tiên của hợp đồng, nhà máy yêu cầu 8 chuyến tàu Panamax 80.000 tấn giao tháng 7 - 8/2018. Trong năm thứ 2 của hợp đồng, giao hàng từ 12/2018 đến 8/2019. Trong năm thứ 3, hợp đồng sẽ được thực hiện từ tháng 9/2019 đến tháng 8/2020. Giá chào là giá cố định theo điều kiện FOBT. Mỗi nhà thầu phải chào 320.000 tấn than/năm (160.000 tấn trong tháng 7 và 160.000 tấn trong tháng 8) theo những chuyến hàng 80.000 tấn. Than Nga không được phép tham gia gói thầu này. Gói thầu sẽ đóng vào ngày 15/8.

Nga sẽ là nước cung cấp than nhập khẩu lớn nhất cho Ba Lan trong năm 2018

Ba Lan dự tính sẽ tăng cường nhập khẩu than nhiệt trong năm 2018 do thiếu hụt nguồn cung than nội địa, trong khi đó than Nga có ưu thế cước phí vận chuyển thấp. Nga được dự đoán sẽ trở thành nước cung cấp than lớn nhất cho Ba Lan trong năm nay, trong khi Mỹ hoặc Colombia sẽ trở thành nước đứng thứ 2. Trong năm 2018, đã có 31 tàu chở than toàn bộ và tàu chở một phần than cập bến cảng Gdansk, trong số này 6 tàu đến từ Nga và 9 tàu còn lại đến từ Mỹ. Ngoài đường biển, Nga còn có thể xuất khẩu than sang Ba Lan bằng đường tàu hỏa.

Hiện tại sản lượng than của Ba Lan không đủ để cung cấp cho thị trường nội địa. Nhập khẩu than của Ba Lan trong năm 2017 đạt 13,4 triệu tấn, tăng 61% so với năm 2016 và là mức cao nhất kể từ năm 2011. Sản lượng than cứng của Ba Lan trong năm 2017 đạt 65,5 triệu tấn, giảm 6,9% so với năm 2016, trong khi sản lượng than thương phẩm đạt 66,3 triệu tấn, giảm 9,3% so với năm 2016. Điện than chiếm khoảng 80% sản lượng điện tại Ba Lan, do đó nước này bắt buộc phải tăng cường nhập khẩu than trong năm nay khi sản lượng than nội địa giảm. Ngoài Nga, Ba Lan sẽ nhập khẩu khoảng 2,5 triệu tấn than từ các nước khác.

Các công ty điện lực Ấn Độ nhập khẩu 3,73 triệu tấn than nhiệt trong tháng 4

Trong tháng 4, các công ty Điện lực Ấn Độ đã nhập khẩu 3,73 triệu tấn than nhiệt, giảm 23% so với cùng kỳ năm ngoái, theo số liệu mới nhất của Cơ quan Điện lực Trung ương Ấn Độ (CEA) công bố hôm thứ 5. Trong số này, 1,43 triệu tấn than đã được nhập khẩu bởi 13 nhà máy để phục vụ mục đích phối trộn trong khi 2,30 triệu tấn được nhập khẩu bởi 9 nhà máy để sử dụng độc lập. Tuy nhiên cũng có tới 34 nhà máy không nhập khẩu than vào tháng 4. Trong số các nhà máy nhập khẩu than, nhà máy điện công suất lớn Mundra của Tata nhập khẩu khối lượng lớn nhất với 509.000 tấn, tiếp theo là Tamil Nadu Generation và Distribution Corp., hay Tangedco ở mức 432.000 tấn. Các công ty điện lực đã nhập khẩu 56,41 triệu tấn than hơi trong năm tài chính 2017-2018, giảm 13% so với năm 2016-2017.

(Nguồn:www.platts.com)

CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ

Đơn vị: USD/tấn

Cỡ tàu	Điểm xuất phát	Điểm đến	Cước phí	Thay đổi
Capesize	Úc	Trung Quốc	9,55	-0,40
(150.000 tấn)	Queensland	Nhật Bản	11,15	-0,45
	New South Wales	Hàn Quốc	11,80	-0,45
Panamax	Richards Bay	Tây Ấn Độ	13,30	+0,00
(70.000 tấn)	Kalimantan	Tây Ấn Độ	9,55	+0,00
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	13,50	+0,25
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,00	+0,00
	Úc	Trung Quốc	12,80	-0,20
	Úc	Ấn Độ	14,20	-0,25

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 16/05/2018)